TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - HƯNG YÊN** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** .....
Số: 22/2026/QĐST- DS	*Hưng Yên, ngày 06 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 144; Điều 147; Điều 212; Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 điều 357; điều 463; điều 466; khoản 2 Điều 468; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức nộp án phí, lệ phí Toà án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 72/2026/TLST - DS ngày 09/4/2026.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ 07 ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự giữa:

1. **Nguyên đơn**: Ông Nguyễn Viết Q, sinh năm: 1976.

CCCD số: 033076013085, do Cục C QLHC về TTXH cấp ngày: 15/05/2022.

Địa chỉ thường trú: Thôn N, xã H, tỉnh Hưng Yên.

2. **Đồng bị đơn**:

2.1 Ông Bùi Văn Đ, sinh năm: 1973.

CCCD số: 033073004733, do Cục C QLHC về TTXH cấp ngày: 25/4/2021.

2.2 Bà Nguyễn Thúy H, sinh năm: 1976.

CCCD số: 033176007253, do Cục C QLHC về TTXH cấp ngày: 25/4/2021.

Đều trú tại: Thôn P, xã H, tỉnh Hưng Yên.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1981.

CCCD số: 033181008977, do Bộ C1 cấp ngày: 28/10/2024; .

Địa chỉ thường trú: Thôn N, xã H, tỉnh Hưng Yên.

* Người được ông Nguyễn Viết Q và bà Nguyễn Thị T ủy quyền: Ông Vũ Quang N, sinh năm: 1985.

CCCD số: 033085002895, do Bộ C1 cấp ngày: 30/9/2024;

Hộ khẩu thường trú: thôn H, xã G, tỉnh Hưng Yên.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về nội dung: Tính đến tháng 28/4/2026, số tiền gốc, lãi vợ chồng ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thúy H còn nợ ông Nguyễn Viết Q, bà Nguyễn Thị T là 1.405.833.333 đồng (làm tròn 1.405.833.000 đồng - *Một tỷ bốn trăm linh năm triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng*), trong đó nợ gốc là 550.000.000 đồng, lãi phát sinh là 855.833.000 đồng.

2. Các bên tự nguyện thống nhất phương án trả nợ:

2.1. Về trả số nợ gốc:

+ Ngày 06/5/2026 vợ chồng ông Đ, bà H trả ông Q, bà T số nợ gốc là 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*).

+ Ngày 28/4/2027 vợ chồng ông Đ, bà H trả ông Q, bà T số nợ gốc là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

+ Ngày 28/4/2028 vợ chồng ông Đ, bà H trả Ông Q, bà T số nợ gốc là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

+ Ngày 28/4/2029 vợ chồng ông Đ, bà H trả ông Q, bà T số nợ gốc là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

+ Ngày 28/4/2030 vợ chồng ông Đ, bà H trả ông Q, bà T số nợ gốc là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

2.2. Về số nợ lãi:

+ Đối với khoản lãi phát sinh các bên đã thanh toán cho nhau không yêu cầu đặt ra giải quyết.

+ Trường hợp vợ chồng ông Đ, bà H trả ông Q, bà T số tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) đúng hạn thì vợ chồng ông Q, bà T miễn toàn bộ số lãi phát sinh nêu trên (855.833.000 đồng – *T1 trăm năm mươi năm triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng*).

+ Trường hợp vợ chồng ông Đ, bà H không trả, trả không đầy đủ, đúng thời hạn như cam kết thì vợ chồng ông Đ, bà H phải trả toàn bộ số gốc và lãi phát sinh trên (855.833.000 đồng – *T1 trăm năm mươi năm triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng*), đồng thời vợ chồng ông Đ, bà H còn phải tiên tục trả lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền gốc còn lại chưa thanh toán cho đến khi nào thanh toán trả hết số tiền gốc cho vợ chồng ông Q, bà T.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án hợp lệ, nếu chậm thanh toán trả các khoản tiền nợ trên thì ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thúy H còn phải chịu lãi suất theo mức quy định tại khoản 2 điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí: Ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thúy H chịu án phí dân sự sơ thẩm là 27.087.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu không trăm tám mươi bảy nghìn đồng*).

- Trả lại ông Nguyễn Viết Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.290.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001771, ngày 08/4/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Hưng Yên;*
- *VKSNDKV3 - Hưng Yên;*
- *THADS tỉnh Hưng Yên;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Đào Duy Trĩnh